

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG MẦM NON BÔNG SEN

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH THÁNG 01 NĂM 2024

Stt	Diễn giải	Đầu kỳ	Thu	Chi	Cuối kỳ
I	NGÂN SÁCH	8.963.000.000	-	564.631.421	8.398.368.579
01	Nguồn kinh phí TX(13)	3.904.000.000		394.321.501	3.509.678.499
02	Nguồn CCTL TX(14-13)	767.000.000		60.631.320	706.368.680
03	Nguồn kinh phí KTX(12)	1.460.000.000		109.678.600	1.350.321.400
04	Nguồn CCTL KTX(14-12)	2.832.000.000			2.832.000.000
II	TỔNG THU-CHI	2.400.699.550	1.388.239.000	1.730.947.293	2.057.991.257
A	SXKD	-	508.002.700	392.024.482	115.978.218
1	Học phí		110.200.000	95.806.991	14.393.009
2	Tổ chức PVBT		192.003.000	170.067.000	21.936.000
3	Tổ chức PVBT hè				-
4	Thiết bị vật dụng PVBT		75.325.000	14.911.000	60.414.000
5	Vệ sinh bán trú		18.732.000	17.037.377	1.694.623
6	Tổ chức PV ăn sáng		55.980.000	54.860.400	1.119.600
7	NK Anh văn		14.784.000	13.500.000	1.284.000
8	NK Vẽ		14.952.000	13.872.000	1.080.000
9	NK TDND		14.000.000	4.000.000	10.000.000
10	Kỹ năng sống		12.026.700	7.969.714	4.056.986
B	Thu hộ - chi hộ	102.040.550	880.236.300	15.848.000	966.428.850
1	Ăn bán trú	43.305.653	441.628.000		484.933.653
2	Ăn sáng	36.092.827	214.816.000		250.908.827
3	Nước uống	20.581.921	11.373.000		31.954.921
4	NK Anh văn	-	27.456.000		27.456.000
5	NK Vẽ	-	27.768.000		27.768.000
6	NK TDND	-	26.000.000		26.000.000
7	Kỹ năng sống	-	22.335.300		22.335.300
8	Học phẩm	620.149	16.375.000	15.848.000	1.147.149
9	Học cụ-học liệu	-	92.485.000		92.485.000
10	Bảo hiểm tai nạn hs	1.440.000			1.440.000
C	Khác	2.298.659.000	-	1.323.074.811	975.584.189
1	CCTL nguồn thu	1.017.219.078		400.400.903	616.818.175
3	Quỹ Khen thưởng	53.119.723		-	53.119.723
2	Quỹ Phúc lợi	256.794.146		91.307.692	165.486.454
4	Quỹ Phát triển HĐSN	140.159.837			140.159.837
5	Quỹ bổ sung thu nhập	831.366.216		831.366.216	-

Kế toán



Lê Thị Trà Mi



Bùi Thị Chương